

**ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU
LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ NĂM 2015**

Luật nghĩa vụ quân sự số 78/2015/QH13 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19/6/2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2016. Đây là cơ sở để các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc - nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân đã được Hiến pháp ghi nhận.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

Luật nghĩa vụ quân sự được Quốc hội khoá VII thông qua tại kỳ họp thứ hai ngày 30/12/1981 (sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005). Sau nhiều năm triển khai thực hiện, Luật đã đi vào cuộc sống, tạo cơ sở pháp lý cho công dân thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Tổ quốc; quyền, lợi ích hợp pháp của quân nhân được bảo đảm và không ngừng được nâng cao, góp phần xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trước yêu cầu phát triển của đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các quy định của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1981 (sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994 và năm 2005) về đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ; độ tuổi gọi nhập ngũ; đối tượng tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ trong thời bình; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự và chế độ, chính sách về thực hiện nghĩa vụ quân sự... đã bộc lộ những vướng mắc, bất cập, một số

quy định không còn phù hợp thực tiễn, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện, ảnh hưởng đến chất lượng xây dựng quân đội.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 có nhiều quy định mới liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân, trong đó có các quyền và nghĩa vụ về bảo vệ Tổ quốc cần phải được cụ thể hóa. Hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước cũng từng bước được hoàn thiện, nhiều văn bản pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ quân sự đã được ban hành để phù hợp với thực tiễn cuộc sống và sự phát triển của đất nước trong công cuộc đổi mới. Vì vậy, để đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới, bảo đảm cho công dân thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc theo quy định của Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, việc ban hành Luật nghĩa vụ quân sự là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM BAN HÀNH LUẬT

1. Quán triệt sâu sắc tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011), Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới với mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao, bảo đảm giành thắng lợi trong mọi tình huống.

2. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

3. Từng bước giải quyết và góp phần bảo đảm công bằng xã hội trong thực hiện nghĩa vụ quân sự; phù hợp với đặc thù quân sự, điều kiện phát triển của đất nước, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

4. Kế thừa những nội dung còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung những nội dung vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện; bổ sung những nội dung mới để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Làm rõ trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức, cá nhân trong thực hiện Luật nghĩa vụ quân sự, đảm bảo tính khả thi và ổn định lâu dài.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật nghĩa vụ quân sự gồm 09 chương, 62 Điều:

1. Chương I. Những quy định chung: Gồm 10 điều (từ Điều 1 đến Điều 10), quy định về phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; nghĩa vụ quân sự; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong thực hiện nghĩa vụ quân sự; nghĩa vụ phục vụ tại ngũ; nghĩa vụ phục vụ trong ngạch dự bị; chức vụ, cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan, binh sĩ; quyền và nghĩa vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ; các hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II. Đăng ký nghĩa vụ quân sự và quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự: Gồm 10 điều (từ Điều 11 đến Điều 20), quy định về nguyên tắc đăng ký nghĩa vụ quân sự và quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; đối tượng đăng ký nghĩa vụ quân sự; đối tượng không được đăng ký nghĩa vụ quân sự; đối tượng miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự; cơ quan đăng ký nghĩa vụ quân sự; đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu; đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung, khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập, tạm vắng, đăng ký miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến; đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị; đưa ra khỏi danh sách đăng ký nghĩa vụ quân sự; trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong đăng ký nghĩa vụ quân sự và quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự.

3. Chương III. Phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị: Gồm 9 điều (từ Điều 21 đến Điều 29), quy định về thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ; cách tính thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ; phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật; hạng của hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị; độ tuổi phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị; nhóm tuổi phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị; huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị; kiểm tra sức khỏe đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị; giải ngạch dự bị.

4. Chương IV. Nhập ngũ và xuất ngũ trong thời bình: Gồm 11 điều (từ Điều 30 đến Điều 45), quy định về độ tuổi phục vụ tại ngũ; tiêu chuẩn công

dân được gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ công an nhân dân; công nhận binh sĩ tại ngũ; số lần, thời điểm gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân trong năm; thẩm quyền quyết định việc gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; hội đồng nghĩa vụ quân sự; nhiệm vụ của hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp tỉnh; nhiệm vụ của hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp huyện; nhiệm vụ của hội đồng nghĩa vụ quân sự cấp xã; khám sức khỏe cho công dân gọi nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; tạm hoãn gọi nhập ngũ và miễn gọi nhập ngũ; thẩm quyền quyết định tạm hoãn gọi nhập ngũ, miễn gọi nhập ngũ và công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ; điều kiện xuất ngũ; thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết xuất ngũ; trách nhiệm của hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ.

5. Chương V. Nhập ngũ theo lệnh động viên, xuất ngũ khi bãi bỏ tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng: Gồm 03 điều (từ Điều 46 đến Điều 48), quy định về gọi nhập ngũ khi có lệnh động viên; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện lệnh động viên; xuất ngũ khi có lệnh bãi bỏ tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

6. Chương VI. Chế độ, chính sách và ngân sách bảo đảm trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự: Gồm 05 điều (từ Điều 49 đến Điều 53), quy định về chế độ chính sách của công dân trong thời gian đăng ký nghĩa vụ quân sự, khám, kiểm tra sức khỏe; chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ và thân nhân; chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong thực hiện chế độ, chính sách đối với gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ; ngân sách bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

7. Chương VII. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức: Gồm 05 điều (từ Điều 54 đến Điều 58), quy định về cơ quan quản lý nhà nước về nghĩa vụ quân sự; nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Quốc phòng; nhiệm vụ, quyền hạn của

các bộ, cơ quan ngang bộ; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp.

8. Chương VIII. Xử lý vi phạm: Gồm 02 điều (từ Điều 59 đến Điều 60), quy định về xử lý vi phạm; hình thức kỷ luật đối với hạ sĩ quan, binh sĩ.

9. Chương IX. Điều khoản thi hành: Gồm 02 điều (Điều 61 và Điều 62), quy định về hiệu lực thi hành; quy định chi tiết.

IV. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Những quy định chung

Chương này gồm các điều khoản có tính nguyên tắc chỉ đạo và các điều khoản chung, bao gồm những nội dung chủ yếu:

1.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Luật nghĩa vụ quân sự quy định về nghĩa vụ quân sự; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân và chế độ, chính sách trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự. Luật áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nghĩa vụ quân sự.

1.2. Nghĩa vụ quân sự

Luật nghĩa vụ quân sự năm 1981 (sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005 chưa quy định đầy đủ về khái niệm, hình thức thực hiện nghĩa vụ quân sự nên đã tạo ra sự không thống nhất về nhận thức và thực hiện. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân”. Quy định trên, khẳng định mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú đều phải thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Quân đội là lực lượng được giao quản lý các loại vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự và có chức năng tiến hành các hoạt động quân sự để bảo vệ Tổ quốc. Mặt khác, để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tác chiến và phòng thủ đất nước, quân

đội phải được tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật nghiêm minh và các đơn vị quân đội phải được bố trí chiến lược trên các vùng, miền của đất nước. Do đó, việc tuyển chọn, huấn luyện quân sự phải do các đơn vị quân đội tổ chức thực hiện phù hợp với yêu cầu xây dựng quân đội, bảo vệ Tổ quốc. Việc phục vụ tại ngũ trong quân đội là lao động đặc biệt, đòi hỏi công dân phải chịu đựng mọi khó khăn, gian khổ và sẵn sàng hy sinh để bảo vệ Tổ quốc, cần phải có chính sách thỏa đáng đối với công dân phục vụ tại ngũ trong quân đội. Để thể chế quy định của Hiến pháp năm 2013: “Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự”, Luật nghĩa vụ quân sự đã quy định: “Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam”.

Như vậy, thực hiện nghĩa vụ quân sự là phục vụ trong Quân đội nhân dân, bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của quân đội. Để đảm bảo thống nhất về nhận thức trong thực hiện nghĩa vụ quân sự, Luật nghĩa vụ quân sự đã quy định cụ thể về nghĩa vụ quân sự: “Nghĩa vụ quân sự là nghĩa vụ vẻ vang của công dân phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam; thực hiện nghĩa vụ quân sự bao gồm phục vụ tại ngũ và phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân Việt Nam”. Đồng thời, bổ sung nội dung quy định mang tính nguyên tắc về việc thực hiện nghĩa vụ quân sự: “Công dân không phân biệt dân tộc, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi cư trú, trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự phải thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định của Luật này”.

- Nghĩa vụ phục vụ tại ngũ, bao gồm:

+ Công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự có nghĩa vụ phục vụ tại ngũ trong Quân đội nhân dân.

+ Công dân nữ, có những đặc điểm về thể chất và sinh hoạt, khó hoạt động trong quân đội chính quy hiện đại nên Luật nghĩa vụ quân sự chỉ quy định: “công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự trong thời bình nếu tự nguyện và quân đội có nhu cầu thì được phục vụ tại ngũ”.

- Nghĩa vụ phục vụ trong ngạch dự bị, bao gồm:

+ Công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự có nghĩa vụ phục vụ trong ngạch dự bị, bao gồm: “hết độ tuổi gọi nhập ngũ nhưng chưa phục vụ tại ngũ; thôi phục vụ tại ngũ; thôi phục vụ trong Công an nhân dân”.

+ Trong thời bình, công dân nữ không bắt buộc phải phục vụ tại ngũ; chỉ những công dân nữ có ngành, nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Quân đội nhân dân mới bắt buộc phải đăng ký nghĩa vụ quân sự, tức là phải phục vụ trong ngạch dự bị của quân đội (Chính phủ sẽ quy định ngành, nghề chuyên môn cụ thể). Công dân nữ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự trong thời bình, khi có chiến tranh sẽ gọi nhập ngũ theo lệnh động viên. Ngoài ra, khi có chiến tranh theo yêu cầu có thể gọi nhập ngũ một bộ phận công dân nữ vào phục vụ trong quân đội và sử dụng ở những nhiệm vụ thích hợp để thay thế công dân nam ra chiến đấu ở phía trước. Vì vậy, Luật nghĩa vụ quân sự quy định: “Công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, có ngành, nghề chuyên môn phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân”.

- Để đảm bảo bình đẳng về địa vị pháp lý đối với công dân đã, đang phục vụ trong lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam, thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân và công dân tham gia một số lĩnh vực khác, Luật nghĩa vụ quân sự đã bổ sung quy định như sau:

+ Công dân phục vụ trong lực lượng Cảnh sát biển và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được coi là thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ.

+ Công dân thuộc một trong các trường hợp sau đây được công nhận hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trong thời bình: “dân quân tự vệ nòng cốt đã hoàn thành nghĩa vụ tham gia dân quân tự vệ, trong đó có ít nhất 12 tháng làm nhiệm vụ dân quân tự vệ thường trực; hoàn thành nhiệm vụ tham gia Công an xã liên tục từ đủ 36 tháng trở lên; cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên tốt nghiệp đại học trở lên, đã được đào tạo và phong quân hàm sĩ quan dự bị; thanh niên đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp tình nguyện phục vụ tại đoàn kinh tế-quốc phòng từ đủ 24 tháng trở lên theo Đề án do Thủ tướng Chính phủ quyết định; công dân phục vụ trên tàu kiểm ngư đủ 24 tháng trở

lên”.

1.3. Chức vụ, cấp bậc quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ

Kế thừa quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981 (sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005), Luật quy định đầy đủ chức vụ, cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan, binh sĩ để thực hiện thống nhất và đảm bảo chế độ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, cụ thể Điều 8 của Luật quy định như sau:

“1. Chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ: Phó trung đội trưởng và tương đương; Tiểu đội trưởng và tương đương; Phó tiểu đội trưởng và tương đương; Chiến sĩ.

2. Cấp bậc quân hàm của hạ sĩ quan, binh sĩ: Thượng sĩ; Trung sĩ; Hạ sĩ; Binh nhất; Binh nhì.

3. Hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được phong, thăng cấp bậc quân hàm tương ứng với chức vụ; có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ thì được thăng quân hàm trước thời hạn; có thành tích đặc biệt xuất sắc thì được xét thăng quân hàm vượt bậc.

4. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định phong, thăng, giáng, tước cấp bậc quân hàm; bổ nhiệm chức vụ, giáng chức, cách chức; quy định chức vụ tương đương và cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”.

1.4. Quyền và nghĩa vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ

Luật nghĩa vụ quân sự đã quy định quyền, nghĩa vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ phải thực hiện đối với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đây là nội dung cơ bản, thể hiện bản chất và yêu cầu của người quân nhân cách mạng phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện để giữ vững bản chất cách mạng của quân nhân. Vì vậy, tại Điều 9 Luật quy định:

“1. Hạ sĩ quan, binh sĩ được Nhà nước bảo đảm chế độ, chính sách ưu đãi phù hợp với tính chất hoạt động của Quân đội nhân dân.

2. Hạ sĩ quan, binh sĩ có nghĩa vụ: Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, Nhân dân, với Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Sẵn sàng chiến đấu, hy sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Nhân dân, Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa; hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao và thực hiện nghĩa vụ quốc tế; Bảo vệ tài sản và lợi ích của Nhà nước, cơ quan, tổ chức; bảo vệ tính mạng, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật; Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, Điều lệnh, Điều lệ của Quân đội nhân dân; Học tập chính trị, quân sự, văn hóa, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ; rèn luyện tính tổ chức, ý thức kỷ luật và thể lực; nâng cao bản lĩnh chính trị, bản lĩnh chiến đấu”.

1.5. Các hành vi bị nghiêm cấm

Căn cứ phạm vi điều chỉnh và thực tiễn thực hiện nghĩa vụ quân sự trong những năm qua, Luật Nghĩa vụ quân sự quy định các nhóm hành vi bị nghiêm cấm bao gồm: Trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự; chống đối, cản trở việc thực hiện nghĩa vụ quân sự; gian dối trong khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái quy định về nghĩa vụ quân sự; sử dụng hạ sĩ quan, binh sĩ trái quy định của pháp luật; xâm phạm thân thể, sức khỏe; xúc phạm danh dự, nhân phẩm hạ sĩ quan, binh sĩ.

2. Đăng ký nghĩa vụ quân sự và quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự

Việc đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự cần phải được đơn giản hoá về thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự. Một số nội dung về đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự được quy định tại các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã thực hiện ổn định và được kiểm nghiệm trong thực tế cần được luật hóa để đảm bảo tính pháp lý và nâng cao hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Luật đã bổ sung và quy

định cụ thể về nguyên tắc đăng ký nghĩa vụ quân sự và quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; đối tượng đăng ký nghĩa vụ quân sự; đối tượng không được đăng ký nghĩa vụ quân sự; đối tượng miễn đăng ký nghĩa vụ quân sự; cơ quan đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự và được tiến hành tại Ban Chỉ huy quân sự cấp xã và tại cơ quan, tổ chức. Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu đối với công dân đủ 17 tuổi trong năm phải được thực hiện tại Ban Chỉ huy quân sự cấp xã nơi công dân cư trú và quy định việc đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung, khi thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc, học tập, tạm vắng, đăng ký miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến, đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị và đưa ra khỏi danh sách đăng ký nghĩa vụ quân sự.

Việc đăng ký nghĩa vụ quân sự phải được thực hiện chặt chẽ và tiến hành tại cấp xã nơi công dân cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi công dân làm việc. Đây là quy định mới so với Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981 (sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005).

3. Phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ và hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị

Chương này quy định về chế độ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

3.1. Chế độ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ

- Về thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ:

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1981 (sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005) còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, có lực lượng thường trực hợp lý, có sức chiến đấu cao, có lực lượng dự bị động viên hùng hậu theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Đảng và quy định của Hiến pháp.

Quân đội nhân dân Việt Nam được xây dựng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, trong đó xây dựng Quân chủng Hải quân, Quân chủng Phòng không - Không quân và một số binh chủng thuộc Quân chủng Lục quân, Bộ Tư

lệnh Bộ đội Biên phòng tiến thẳng lên hiện đại với nhiều vũ khí, trang bị kỹ thuật tiên tiến; các lực lượng khác đang từng bước được hiện đại. Mặt khác, phương thức, thủ đoạn tác chiến của địch ở thời điểm hiện nay và trong tương lai ngày càng tinh vi, khó lường; sử dụng nhiều loại vũ khí thông minh, có khả năng sát thương cao. Do đó, để giảm mức độ tổn thất về con người và vũ khí, trang bị khi tác chiến xảy ra, đòi hỏi bộ đội phải có thời gian huấn luyện nhiều hơn để nâng cao trình độ chiến thuật, kỹ thuật, khả năng cơ động, kỹ năng khai thác, sử dụng làm chủ các loại vũ khí, trang bị được giao và thực hành phối hợp, hiệp đồng tác chiến giữa các lực lượng, đơn vị trong tác chiến. Nếu thực hiện thời hạn phục vụ tại ngũ 18 tháng như hiện nay thì chỉ đảm bảo được thời gian huấn luyện chiến đấu đến cấp phân đội, không đảm bảo được thời gian huấn luyện chiến đấu ở cấp cao hơn vì không đủ thời gian để tổ chức huấn luyện, hợp luyện cho bộ đội. Do vậy, chưa đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới. Mặt khác, trong thời gian phục vụ tại ngũ hạ sĩ quan, binh sĩ được huấn luyện cơ bản, có kỹ năng, có bản lĩnh chính trị, kỷ luật tốt, được rèn luyện sức khỏe, thể lực tốt; khi xuất ngũ được phục vụ trong ngạch dự bị chất lượng quân nhân dự bị được nâng cao; nếu có tình huống cần thiết phải huy động vào lực lượng thường trực sẽ tham gia tác chiến được ngay, không phải qua huấn luyện; hằng năm không phải tập trung huấn luyện bổ sung, giảm được ngân sách đảm bảo. Ngoài ra, quân đội còn phải thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng khác do Đảng và Nhà nước giao như: Cứu hộ, cứu nạn, phòng tránh thiên tai, khắc phục hậu quả chiến tranh, công tác dân vận..., vì thế đã chiếm một phần đáng kể thời gian, ảnh hưởng đến chất lượng huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu.

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ theo quy định của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1981, được sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005 không đảm bảo tính thống nhất; hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan và binh sĩ trên tàu hải quân phải phục vụ 24 tháng, hạ sĩ quan và binh sĩ khác chỉ phục vụ 18 tháng đã tạo ra sự không công bằng giữa hai đối tượng, ảnh hưởng

đến tư tưởng của hạ sĩ quan và binh sĩ, nhất là đối với đối tượng phục vụ tại ngũ 24 tháng; hằng năm phải tổ chức tuyển quân, xuất ngũ hai đợt ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ khác của quân đội, địa phương gây tốn kém về vật chất và thời gian.

Để bảo đảm đủ thời gian huấn luyện quân sự, kỹ thuật, chiến thuật, giáo dục chính trị, rèn luyện nâng cao bản lĩnh chiến đấu của quân nhân, kỹ năng khai thác và sử dụng thành thạo các loại vũ khí, trang bị, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới; đồng thời nâng cao chất lượng lực lượng dự bị động viên, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở và giảm chi phí ngân sách, thời gian huấn luyện nâng cao chất lượng quân nhân dự bị, Luật quy định về thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan, binh sĩ là 24 tháng; không phân biệt thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ với hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan và binh sĩ trên tàu hải quân.

Việc kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ hạ sĩ quan, binh sĩ thêm một thời gian không quá 06 tháng nhằm bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn. Quy định này đòi hỏi kế hoạch thay quân của quân đội phải chặt chẽ, khoa học, đúng quy định của pháp luật và không được kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ khi không được Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định.

- Cách tính thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ: Thời gian phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ được tính từ khi giao nhận quân hoặc có mặt tại đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam đến khi được cấp có thẩm quyền ra quyết định xuất ngũ. Thời gian đào ngũ, thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam không được tính thời gian phục vụ tại ngũ.

- Phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan, binh sĩ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật: Hạ sĩ quan, binh sĩ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật khi thực hiện nghĩa vụ quân sự được ưu tiên sử dụng vào vị trí công tác phù hợp với nhu cầu của

quân đội; sau khi hết thời hạn phục vụ tại ngũ hoặc đang phục vụ trong ngạch dự bị có đủ tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu của quân đội nếu tự nguyện và quân đội có nhu cầu thì được tuyển chọn chuyển sang phục vụ theo chế độ của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp hoặc công nhân, viên chức quốc phòng; Đây là nguồn bổ sung đội ngũ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp và công nhân, viên chức quốc phòng của Quân đội nhân dân.

3.2. Chế độ phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị

Để đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn cách mạng mới; trong thời bình, quân đội ngoài việc đảm bảo có lực lượng thường trực với số lượng hợp lý, thì phải xây dựng lực lượng dự bị hùng hậu sẵn sàng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu khi có tình huống xảy ra. Việc xây dựng lực lượng dự bị động viên phải chú trọng từ tổ chức, huấn luyện và quản lý. Tổ chức phải khoa học, huấn luyện phải có chất lượng, quản lý phải chặt chẽ, để khi động viên đảm bảo được nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu như lực lượng thường trực. Vì vậy, Luật nghĩa vụ quân sự đã quy định đầy đủ về phân chia hạng của hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị, độ tuổi phục vụ, nhóm tuổi phục vụ, huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu, kiểm tra sức khỏe và giải ngạch đối với hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

4. Nhập ngũ và xuất ngũ trong thời bình

4.1. Gọi công dân nhập ngũ

- Độ tuổi gọi nhập ngũ:

Luật nghĩa vụ quân sự hiện hành quy định độ tuổi gọi công dân nhập ngũ trong thời bình từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi nên hằng năm tỷ lệ công dân có trình độ đại học trở lên tham gia thực hiện nghĩa vụ phục vụ tại ngũ thấp. Phần lớn công dân khi hoàn thành chương trình đại học đã bước vào tuổi 25, có một số ngành học khi hoàn thành chương trình đại học thì công dân đã hết độ tuổi gọi nhập ngũ. Mặt khác, số công dân đã hoàn thành chương trình đại học hệ chính quy nhưng không thực hiện nghĩa vụ quân sự tại ngũ (do hết độ tuổi) thì lại được nhà nước ưu tiên cho tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ phục vụ tại ngũ để

học tập. Trong khi đó, những công dân không có điều kiện hoặc chưa có điều kiện để tham gia học tập chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngay từ khi đủ 18 tuổi lại phải thực hiện nghĩa vụ phục vụ tại ngũ đã phần nào tạo ra sự không công bằng giữa các công dân trong thực hiện nghĩa vụ quân sự. Vì vậy, ngoài việc quy định: “Công dân nam đủ 18 tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi”, Luật đã bổ sung quy định “công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ thì độ tuổi gọi nhập ngũ đến hết 27 tuổi”.

- Đối với công dân đến 17 tuổi, có nguyện vọng vào học tập tại các nhà trường quân đội để phục vụ lâu dài trong Quân đội nhân dân, nếu có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật thì được tiếp nhận, khi vào học tập tại các nhà trường quân đội sẽ được công nhận là binh sĩ tại ngũ.

- Thời điểm gọi công dân nhập ngũ:

Luật nghĩa vụ quân sự năm 1981 (được sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005) chưa quy định đầy đủ về thời điểm gọi công dân nhập ngũ, dẫn đến công dân không xác định được thời điểm gọi nhập ngũ nên không chủ động sắp xếp được thời gian học tập, lao động. Do đó, đã làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nghĩa vụ quân sự phục vụ tại ngũ và học tập, lao động của công dân; trong nhiều trường hợp còn làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu giao quân của các địa phương. Vì vậy, để đảm bảo cho công dân chủ động chuẩn bị thực hiện nghĩa vụ phục vụ tại ngũ và tạo điều kiện cho địa phương trong xây dựng, thực hiện kế hoạch gọi công dân nhập ngũ. Luật đã quy định cụ thể thời điểm gọi công dân nhập ngũ được thực hiện vào tháng hai hoặc tháng ba hằng năm.

4.2. Tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình

Luật nghĩa vụ quân sự năm 1981 (được sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005) quy định tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình đối với đối tượng là học sinh, sinh viên còn quá rộng, làm ảnh hưởng đến chất lượng xây dựng quân đội. Trước yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhu cầu học tập của công dân, các cơ sở giáo

dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân phát triển rất đa dạng, với nhiều loại hình đào tạo; nhiều ngành nghề đào tạo chỉ thực hiện xét tuyển (không thi tuyển), số lượng công dân tham gia học tập ngày càng tăng. Quy định đối tượng tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình đối với sinh viên đang học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học là quá rộng, chiếm tỷ lệ lớn so với tổng số công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ, gây khó khăn trong quá trình xét duyệt gọi nhập ngũ; việc gọi công dân tốt nghiệp cao đẳng, đại học vào phục vụ tại ngũ trong quân đội không nhiều. Một số công dân đã lợi dụng chính sách tạm hoãn gọi nhập ngũ để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ phục vụ tại ngũ, gây bất bình trong nhân dân, ảnh hưởng đến chất lượng công dân nhập ngũ.

Vì vậy, Luật quy định chỉ tạm hoãn đối với đối tượng là học sinh phổ thông, sinh viên đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong thời gian một khóa đào tạo của một trình độ đào tạo; quy định rõ hơn đối với trường hợp công dân thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ, nếu không còn lý do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ. Đối với học sinh đang học phổ thông, sinh viên đang được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục đại học, trình độ cao đẳng hệ chính quy thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp sẽ được gọi nhập ngũ. Đối với công dân đang học tập tại các nhà trường hoặc trúng tuyển vào các trường thuộc cơ sở giáo dục không thuộc đối tượng tạm hoãn gọi nhập ngũ thì được gọi nhập ngũ và bảo lưu kết quả, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ sẽ được tiếp nhận để học tập. Để bảo đảm chính sách đối với người nhiễm chất độc da cam, dự án Luật đã bổ sung quy định tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình đối với một con của người nhiễm chất độc da cam bị suy giảm khả năng lao động từ 61% đến 80%.

4.3. Việc xuất ngũ

Hạ sĩ quan, binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn quy định tại Điều 21 của Luật này thì được xuất ngũ, trừ những trường hợp bị phạt tù tại trại giam,

đào ngũ (khoản 2 Điều 22). Trong trường hợp để bảo đảm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn thì Bộ trưởng Bộ Quốc phòng mới được quyền quyết định kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ nhưng không quá 06 tháng (khoản 2 Điều 21).

Trước thời điểm kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ 30 ngày, người chỉ huy đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên có trách nhiệm thông báo cho hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi giao quân hoặc cơ quan, tổ chức nơi làm việc, học tập trước khi hạ sĩ quan, binh sĩ nhập ngũ biết về thời gian xuất ngũ. Chỉ huy từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên quyết định xuất ngũ đối với từng hạ sĩ quan, binh sĩ thuộc quyền, phải tổ chức lễ tiễn hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ và bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giao quân. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ trở về địa phương hoặc cơ quan, tổ chức.

Trường hợp xuất ngũ trước thời hạn (khoản 2 Điều 43) phải được xét duyệt chặt chẽ. Nếu vì lý do sức khỏe, phải được Hội đồng giám định y khoa quân sự kết luận không đủ sức khỏe để tiếp tục phục vụ tại ngũ; các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 41 phải được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận. Chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương phải xét duyệt và đề nghị cấp trên trực tiếp phê chuẩn mới được quyết định xuất ngũ.

Hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ chưa phải đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, mới hoàn thành giai đoạn phục vụ tại ngũ, nếu còn sức khỏe thì phải phục vụ trong ngạch dự bị của quân đội đến hết 45 tuổi. Trong giai đoạn phục vụ trong ngạch dự bị, mặc dù sinh hoạt, học tập, công tác, lao động như công dân khác, hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị được xếp vào các đơn vị dự bị động viên và phải tham gia các đợt huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu, đồng thời sẵn sàng nhập ngũ khi có lệnh động viên.

5. Nhập ngũ theo lệnh động viên, xuất ngũ khi bãi bỏ tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng

Khi có lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, việc gọi hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị nhập ngũ thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và lệnh của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Việc gọi hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị theo lệnh tổng động viên được thực hiện trong thời gian nhất định và theo kế hoạch đã được chuẩn bị từ trước. Đi đôi với việc gọi hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị nhập ngũ theo lệnh tổng động viên và những lần gọi nhập ngũ tiếp theo, việc gọi công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ vẫn được tiếp tục trong thời chiến; Trong giai đoạn này, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng căn cứ tình hình của chiến tranh, có thể trình Thủ tướng Chính phủ quyết định gọi nhập ngũ một số công dân nữ vào phục vụ trong quân đội đảm nhiệm một số nhiệm vụ thích hợp để thay thế công dân nam ra chiến đấu ở phía trước.

Khi có lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng lệnh đình chỉ việc xuất ngũ, nghỉ phép đối với hạ sĩ quan, binh sĩ. Hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị phải có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ; Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, trong thời bình phải nghiêm túc chấp hành các quy định về huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu và các quy định về đăng ký nghĩa vụ quân sự và quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự.

Chính phủ sẽ có quy định công dân thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến cho những công dân đang làm việc trong các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức kinh tế... để duy trì sự lãnh đạo và sản xuất trong thời chiến. Những công dân được miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến sẽ đăng ký nghĩa vụ quân sự riêng và không xếp vào đơn vị dự bị động viên mà xếp vào đơn vị dân quân tự vệ để bảo vệ cơ quan, tổ chức trong thời bình và thời chiến.

Khi có lệnh bãi bỏ tình trạng chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, binh

sĩ và thẩm quyền, trách nhiệm giải quyết hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Luật này. Chế độ, chính sách của hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ được bảo đảm như đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ trong thời bình.

6. Chế độ, chính sách và ngân sách bảo đảm trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự

Đặc điểm lao động trong quân đội là do yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, làm việc không kể ngày đêm; phải tham gia huấn luyện, trực ban chiến đấu nặng nhọc, căng thẳng; sinh hoạt tinh thần, vật chất thường khó khăn; sẵn sàng chấp hành lệnh điều động đi làm nhiệm vụ trong mọi điều kiện, hoàn cảnh, sẵn sàng hy sinh để bảo vệ Tổ quốc; xa gia đình không có điều kiện để giúp đỡ cha mẹ, vợ và giáo dục con... Vì vậy việc đãi ngộ đối với hạ sĩ quan, binh sĩ là đãi ngộ của Đảng, Nhà nước và Nhân dân đối với quân đội, nhằm tạo điều kiện để hạ sĩ quan, binh sĩ hoàn thành nhiệm vụ.

Chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ quy định trong Luật là bảo đảm đời sống cho hạ sĩ quan, binh sĩ có đủ sức khỏe để học tập, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu. Từ tháng thứ 13 trở đi, mỗi năm được nghỉ phép một lần; Để khuyến khích hạ sĩ quan, binh sĩ được kéo dài thời hạn phục vụ tại ngũ trên 24 tháng, Luật quy định từ tháng thứ 25 trở đi được hưởng 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hằng tháng; được tạm hoãn trả và không tính lãi suất khoản vay từ Ngân hàng chính sách xã hội mà trước khi nhập ngũ là thành viên hộ nghèo, học sinh, sinh viên theo quy định của pháp luật; được nhà nước bảo đảm chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ bảo hiểm y tế. Các chế độ, chính sách khác vẫn được bảo đảm như được ưu đãi về bưu phí, được tính nhân khẩu trong gia đình khi gia đình được giao hoặc điều chỉnh diện tích nhà ở, đất xây dựng nhà và đất canh tác, được tính thời gian phục vụ tại ngũ vào thời gian công tác. Trong thời gian phục vụ tại ngũ lập được thành tích trong chiến đấu, công tác, huấn luyện được khen thưởng; nếu bị thương, bị bệnh hoặc hy sinh, tử trận thì bản thân và gia đình được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của

pháp luật.

Khi xuất ngũ, được trợ cấp xuất ngũ, tiền tàu xe, phụ cấp đi đường; được trợ cấp tạo việc làm; trước khi nhập ngũ đang học tập hoặc có giấy gọi vào học tập tại các nhà trường được bảo lưu kết quả và tiếp nhận vào học tại các trường; được các tổ chức kinh tế tiếp nhận lại làm việc hoặc được giải quyết chế độ, chính sách trong trường hợp tổ chức kinh tế đã chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc phá sản; được giải quyết quyền lợi về chế độ bảo hiểm; được ưu tiên trong tuyển sinh, cộng điểm trong thi tuyển công chức, viên chức và sắp xếp việc làm; trong thời gian tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của ngạch tuyển dụng tương ứng với trình độ đào tạo.

Đối với thân nhân hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ được hưởng chế độ bảo hiểm y tế, hưởng trợ cấp khó khăn; con được miễn, giảm học phí khi học tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập và ngoài công lập; Trường hợp hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ hy sinh, tử trận trong khi làm nhiệm vụ thì gia đình được hưởng chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức

Luật nghĩa vụ quân sự năm 1981 (sửa đổi, bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005) chưa quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện nghĩa vụ quân sự của công dân nên nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân đã không thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn gây phiền nhiễu cho công dân, ảnh hưởng đến chất lượng thực hiện nghĩa vụ quân sự; làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với chính quyền, gây tốn kém, lãng phí không cần thiết cho ngân sách nhà nước. Vì vậy, Luật đã quy định cụ thể, rõ ràng hơn về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gia đình trong thực hiện nghĩa vụ quân sự, cụ thể như sau:

Về cơ quan quản lý nhà nước về nghĩa vụ quân sự, Luật quy định: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về nghĩa vụ quân sự trong phạm vi cả nước; Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về nghĩa vụ quân sự. Các bộ, cơ quan ngang bộ phối hợp với Bộ Quốc phòng

thực hiện quản lý nhà nước về nghĩa vụ quân sự theo thẩm quyền.

Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ, quyền hạn ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về nghĩa vụ quân sự; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về thực hiện nghĩa vụ quân sự; phối hợp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về nghĩa vụ quân sự; kiểm tra, thanh tra, khen thưởng, xử lý vi phạm; giải quyết khiếu nại, tố cáo về nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật; tổng kết công tác thi hành pháp luật về nghĩa vụ quân sự.

Bộ Công an chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp tổ chức thực hiện pháp luật về nghĩa vụ quân sự. Bộ Y tế chỉ đạo cơ quan y tế địa phương phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp tổ chức khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự; chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng để quy định về tiêu chuẩn sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Bộ Quốc phòng để chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện pháp luật về nghĩa vụ quân sự và thực hiện đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật cho quân đội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thực hiện chính sách hậu phương quân đội đối với gia đình hạ sĩ quan, binh sĩ; chính sách dạy nghề, việc làm đối với hạ sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ; chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc quyền quản lý thực hiện đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật cho quân đội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về nghĩa vụ quân sự theo quy định của pháp luật. Bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quy định của pháp luật về nghĩa vụ quân sự.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm giám sát việc thực hiện pháp luật về nghĩa vụ quân sự của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo và tổ chức thực hiện pháp luật về nghĩa vụ quân sự tại địa phương; tổ chức việc đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; chịu trách nhiệm về số lượng, chất lượng công dân nhập ngũ, thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân và công dân phục vụ trong ngạch dự bị của Quân đội nhân dân; trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, kiểm tra cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện pháp luật về nghĩa vụ quân sự tại địa phương.

8. Xử lý vi phạm

Quy định việc xử lý vi phạm trong Luật là rất cần thiết, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật và rất cần thiết cho việc xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm về nghĩa vụ quân sự. Quy định này còn có tác dụng ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong việc chấp hành chế độ nghĩa vụ quân sự, bảo đảm cho Luật nghĩa vụ quân sự được chấp hành nghiêm túc và đầy đủ, đồng thời tạo thống nhất trong việc xử lý các hành vi vi phạm Luật nghĩa vụ quân sự.

9. Điều khoản thi hành

Chương này có 02 điều quy định hiệu lực thi hành của Luật, quy định hết hiệu lực của Luật nghĩa vụ quân sự năm 1981 (sửa đổi bổ sung năm 1990, năm 1994, năm 2005) và Chính phủ, các bộ phải quy định chi tiết việc thi hành Luật này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015

- Nghị định của Chính phủ quy định ngành, nghề chuyên môn của công dân nữ trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự phù hợp yêu cầu của Quân đội nhân dân.

- Nghị định của Chính phủ quy định công dân thuộc diện miễn gọi nhập ngũ trong thời chiến.

- Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục đăng ký

nghĩa vụ quân sự.

- Nghị định của Chính phủ quy định việc huấn luyện đối với binh sĩ dự bị hạng hai.

- Nghị định của Chính phủ quy định về ngân sách nhà nước bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ quân sự.

- Nghị định của Chính phủ quy định chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký nghĩa vụ quân sự, khám, kiểm tra sức khỏe.

- Nghị định của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ khi phục vụ tại ngũ, khi xuất ngũ; hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị và chế độ, chính sách đối với thân nhân hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, thân nhân hạ sĩ quan, binh sĩ dự bị.

- Nghị định của Chính phủ quy định tiêu chuẩn vật chất hậu cần đối với hạ sĩ quan, binh sĩ trong thời gian phục vụ tại ngũ.

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về đào tạo cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật cho quân đội.

- Bộ Quốc phòng chủ trì xây dựng 05 thông tư hướng dẫn thi hành Luật Nghĩa vụ quân sự:

+ Thông tư quy định về chế độ nghỉ phép của hạ sĩ quan, binh sĩ.

+ Thông tư quy định phong, thăng, giáng chức, cách chức; quy định chức vụ tương đương và cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ.

+ Thông tư hướng dẫn việc đăng ký nghĩa vụ quân sự; quy định hệ thống mẫu biểu đăng ký nghĩa vụ quân sự, chế độ báo cáo, chế độ kiểm tra việc đăng ký nghĩa vụ quân sự; quản lý công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu nghĩa vụ quân sự.

+ Thông tư quy định hạ sĩ quan, binh sĩ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật khi thực hiện nghĩa vụ quân sự được ưu tiên sử dụng vào vị trí công tác phù hợp với nhu cầu của quân đội.

+ Thông tư quy định việc áp dụng các hình thức kỷ luật, thời hạn, trình tự và thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với hạ sĩ quan, binh sĩ.

- Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các cơ quan, tổ chức có liên quan xây dựng, ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn sức khỏe thực hiện nghĩa vụ quân sự.

- Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật nghĩa vụ quân sự theo trình tự, thủ tục rút gọn của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015

Tổ chức phổ biến Luật nghĩa vụ quân sự và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật với nội dung và hình thức phù hợp với từng đối tượng cụ thể bảo đảm nâng cao nhận thức, hiểu biết của cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và nhân dân về pháp luật nghĩa vụ quân sự;

Biên soạn tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục Luật nghĩa vụ quân sự và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật;

Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện và phối hợp với Bộ Quốc phòng tổ chức phổ biến Luật nghĩa vụ quân sự và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng, các đơn vị làm công tác phổ biến pháp luật của Bộ, ngành, địa phương có kế hoạch phổ biến sâu rộng Luật nghĩa vụ quân sự và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, báo chí, phát thanh, truyền hình phổ biến Luật trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tổ chức phổ biến pháp luật về nghĩa vụ quân sự cho hội viên; vận động nhân dân chấp hành pháp luật về nghĩa vụ quân sự; phối hợp với cơ quan nhà nước, tổ chức hữu quan phổ biến cho nhân dân; tham gia giám sát việc thực hiện chính

sách, pháp luật về nghĩa vụ quân sự./.